

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36XD3 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122064200103 - Auto CAD cấ b n H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3645012038	36XD3	Huỳnh L An	08/09/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
2	3645010486	36XD3	L ² V ấ	27/08/1993	7.0	6.0									6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
3	3645010295	36XD3	Võ Hoàng Anh	02/08/1993	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
4	3645012089	36XD3	Nguy n Tr ng Ân	00/00/1993	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
5	3645012034	36XD3	Lê Chí Công	03/03/1991	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
6	3645010383	36XD3	Mai Xuân Công	07/07/1994	7.0	6.0									6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
7	3645010443	36XD3	Nguy n Ch' C ng	14/09/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
8	3645010447	36XD3	S m Qu c C ng	24/06/1993	3.0	0.0									1.5	0.8	5.0	2.5	3.3	
9	3645010314	36XD3	Tr n Ng c C ng	22/09/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
10	3645010391	36XD3	Nguy n Th' i Dân	02/05/1993	5.0	3.0									4.0	2.0	8.0	4.0	6.0	
11	3645012073	36XD3	Nguy n Ng c Diêu	03/12/1993	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
12	3641010398	36XD3	Tr n Quang Duy	09/12/1994	5.0	4.0									4.5	2.3	6.0	3.0	5.3	
13	3641010007	36XD3	L ² Tu n Đ H g	26/10/1994	6.0	7.0									6.5	3.3	6.0	3.0	6.3	
14	3645010373	36XD3	Tr ng Ho ấ ng ấ ang	08/07/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
15	3645010434	36XD3	L ² Ti n ấ t	29/06/1994	4.0	4.0									4.0	2.0	5.0	2.5	4.5	
16	3645010433	36XD3	Võ Duy ấ t	08/08/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
17	3645010517	36XD3	Tr n V ấ ấ i n	28/02/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
18	3645012084	36XD3	L ² H u ấ nh	02/01/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
19	3645010453	36XD3	Nguy n V ấ ấ o ấ	27/07/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
20	3645012076	36XD3	Nguy n V ấ ấ »	01/09/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36XD3 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122064200103 - Auto CAD c ã b n H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3645010512	36XD3	Võ Minh ã »	04/12/1994	5.0	6.0									5.5	2.8	5.0	2.5	5.3	
22	3645010404	36XD3	T» Ng c Hà	28/08/1993	5.0	6.0									5.5	2.8	8.0	4.0	6.8	
23	3645010425	36XD3	ñ ng Thanh H i	04/04/1994	6.0	5.0									5.5	2.8	6.0	3.0	5.8	
24	3645012026	36XD3	Tr n V ã Hi n	20/11/1994	3.0	3.0									3.0	1.5	3.0	1.5	3.0	
25	3645010421	36XD3	ñ ng Minh Hi u	17/03/1993	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
26	3645010475	36XD3	Tr n ã ph Hi u	11/06/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
27	3645010331	36XD3	Qu c ã ph Hi p	10/09/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
28	3645012091	36XD3	Nguy n Huy Hoàng	24/11/1993	5.0	3.0									4.0	2.0	5.0	2.5	4.5	
29	3645010388	36XD3	Tr nh Vi t H ng	11/06/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
30	3645011990	36XD3	L ² Ph m Hu m h H i	27/06/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
31	3645010367	36XD3	Nguy n Duy Khanh	12/01/1994	5.0	4.0									4.5	2.3	5.0	2.5	4.8	
32	3645010341	36XD3	T ã Ng Qu c Khánh	24/06/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
33	3645012046	36XD3	Ki u Anh Khoa	13/10/1994	6.0	6.0									6.0	3.0	8.0	4.0	7.0	
34	3645012028	36XD3	Nguy n V ã Lâm	20/11/1993	8.0	6.0									7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	
35	3645010336	36XD3	Võ Duy Lâm	10/09/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
36	3645010390	36XD3	H Ng c Linh	23/02/1994	5.0	7.0									6.0	3.0	8.0	4.0	7.0	
37	3645012018	36XD3	V ¹ / ₂ V I O Linh	13/07/1992	7.0	6.0									6.5	3.3	6.0	3.0	6.3	
38	3645010507	36XD3	Nguy n V ã L ã h	26/07/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
39	3645012048	36XD3	Ph m V ã Long	12/03/1994	9.0	7.0									8.0	4.0	0.0	0.0	4.0	K FILE
40	3645010394	36XD3	Tr n H u L c	05/04/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36XD3 NÑm h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122064200103 - Auto CAD cÑh b n H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3645012052	36XD3	V ¹ / ₂ Ng c L i	20/02/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	0.0	0.0	2.5	K FILE
42	3645010455	36XD3	Ph m ã ph M nh	02/05/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
43	3645010460	36XD3	Ph m Thanh Nam	02/02/1994	9.0	6.0									7.5	3.8	10.0	5.0	8.8	
44	3645010441	36XD3	Nguy n Th c nh Nghi p	25/01/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
45	3645012051	36XD3	Nguy n Ho c Nh n	29/03/1993	7.0	7.0									7.0	3.5	5.0	2.5	6.0	
46	3645010330	36XD3	Nguy n Th c nh Nh n	18/11/1987	7.0	8.0									7.5	3.8	7.0	3.5	7.3	
47	3645011995	36XD3	Nguy n Tr ng Nh n	20/07/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
48	3645010375	36XD3	Nguy n VÑ Nh t	29/09/1990	6.0	6.0									6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
49	3645010319	36XD3	Bùi Tá Nh t	24/07/1994	6.0	7.0									6.5	3.3	5.0	2.5	5.8	
50	3645012096	36XD3	B c i ã c Nhu n	02/12/1994	6.0	6.0									6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
51	3645010437	36XD3	Tr n Minh Nh t	10/02/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
52	3645010503	36XD3	Ph m Qu c Phong	13/08/1987	8.0	8.0									8.0	4.0	9.0	4.5	8.5	
53	3645010506	36XD3	Võ Duy Phú	12/06/1994	6.0	7.0									6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
54	3645012003	36XD3	ñ ng Thi ² n Ho c ng Phúc	21/06/1993	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
55	3645010321	36XD3	L ² VÑ Phúc	03/09/1994	6.0	6.0									6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
56	3645010422	36XD3	Nguy n Ho c ng Phúc	14/01/1993	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
57	3645012085	36XD3	Lĩ VÑ Ph ng	07/10/1991	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
58	3645012120	36XD3	Nguy n Quang Ph ng	20/03/1993	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
59	3645012111	36XD3	L ² VÑ Minh Quân	01/04/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
60	3645012022	36XD3	Nguy n Duy Qu nh	02/02/1994	6.0	7.0									6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36XD3 NÑm h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122064200103 - Auto CAD cÑh b n H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
61	3642010357	36XD3	Nguy n VÑñ Rin	12/12/1993	8.0	7.0									7.5	3.8	5.0	2.5	6.3	
62	3645010414	36XD3	Tr n VÑñ R t	03/07/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
63	3645010463	36XD3	L ² VÑñ Sang	10/10/1990	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
64	3645012019	36XD3	Nguy n Ho Õng Sang	29/04/1993	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
65	3645010470	36XD3	Nguy n Th Sang	26/07/1994	6.0	6.0									6.0	3.0	3.0	1.5	4.5	
66	3645012095	36XD3	L ² Ng c Sinh	06/11/1994	7.0	8.0									7.5	3.8	6.0	3.0	6.8	
67	3645010423	36XD3	Ph m Nh t Sinh	10/10/1993	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
68	3645012045	36XD3	Tr n Tâm	17/04/1993	6.0	7.0									6.5	3.3	3.0	1.5	4.8	
69	3642010436	36XD3	Nguy n Th Kĩ u Tiên	15/03/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
70	3645010382	36XD3	Ng» T n Tĩ n	29/01/1993	6.0	7.0									6.5	3.3	5.0	2.5	5.8	
71	3645012036	36XD3	Tr n Ch' T nh	05/10/1993	3.0	7.0									5.0	2.5	0.0	0.0	2.5	
72	3645012101	36XD3	ñ Xu ^a n Tu n	07/08/1990	6.0	7.0									6.5	3.3	8.0	4.0	7.3	
73	3645012005	36XD3	Huinh C»ng Minh Tu n	16/11/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	3.0	1.5	4.5	
74	3645010495	36XD3	Lê Thanh Tùng	03/01/1994	6.0	7.0									6.5	3.3	8.0	4.0	7.3	
75	3645012054	36XD3	Ph m Ng c Th ch	23/02/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
76	3645012006	36XD3	Huinh Th nh	16/07/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
77	3645012060	36XD3	L ^a m VÑñ Th ng	12/06/1994	7.0	8.0									7.5	3.8	4.0	2.0	5.8	
78	3645010271	36XD3	Nguy n VÑñ Th ng	03/10/1994	6.0	6.0									6.0	3.0	3.0	1.5	4.5	
79	3645012114	36XD3	Võ Hoàng Thân	18/03/1993	8.0	8.0									8.0	4.0	5.0	2.5	6.5	
80	3645010424	36XD3	Nguy n H u Thi	10/03/1994	6.0	6.0									6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36XD3 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122064200103 - Auto CAD cấ b n H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
81	3645010359	36XD3	Tr nh Nh t Thi	14/03/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
82	3645012074	36XD3	Ph m Minh Thiên	24/04/1994	5.0	7.0									6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
83	3645012044	36XD3	B ỉ M nh Thi n	11/01/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
84	3645010409	36XD3	Tr n Ph c Thi n	20/08/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	0.0	0.0	3.0	
85	3645012087	36XD3	Tr n Phong Th nh	24/08/1993	5.0	7.0									6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
86	3645012037	36XD3	H o ắ H i Th	27/03/1991	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
87	3645012115	36XD3	L ² ấ c Th	24/12/1992	8.0	7.0									7.5	3.8	8.0	4.0	7.8	
88	3641010473	36XD3	Mai V ấ Thu n	21/06/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	3.0	1.5	4.5	
89	3645010333	36XD3	Nguy n ấ c Thu n	10/01/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
90	3645010501	36XD3	Hu nh Ng c Th ng	11/02/1993	7.0	7.0									7.0	3.5	9.0	4.5	8.0	
91	3645010440	36XD3	Nguy n Tr ng Th ng	04/02/1994	6.0	7.0									6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
92	3645010380	36XD3	H o ấ i Tr m	08/04/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
93	3645011993	36XD3	Nguy n Th o ắ Trí	21/10/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
94	3645012015	36XD3	Phan H ng Tr ng	25/12/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
95	3645012030	36XD3	H S Trung	24/07/1992	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
96	3645010381	36XD3	Thiên Sanh Tr ng	16/08/1991	5.0	6.0									5.5	2.8	4.0	2.0	4.8	
97	3645010392	36XD3	Nguy n V ấ Vi t	24/11/1993	5.0	6.0									5.5	2.8	6.0	3.0	5.8	
98	3645012029	36XD3	T ắ T ắ ch Vinh	17/06/1988	7.0	8.0									7.5	3.8	9.0	4.5	8.3	
99	3645010430	36XD3	Tr nh Vi t Võ	22/08/1994	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
100	3645012031	36XD3	ấ nh Duy Thanh VIO	11/05/1993	0.0	0.0									0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹a h c :L p h c : 36XD3Nñ h c : 2012-2013ñ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT :H c ph n : 122064200103 - Auto CAD cñ b nH c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
101	3641010406	36XD3	L c ã nh VJO	04/10/1994	6.0	6.0									6.0	3.0	10.0	5.0	8.0	

T ng s : 101 h c sinh sinh vi²n

Tr ng KhoaGi" o Vi²n B M»nGi" o V Khoa

Tp.HCM, ngày / /